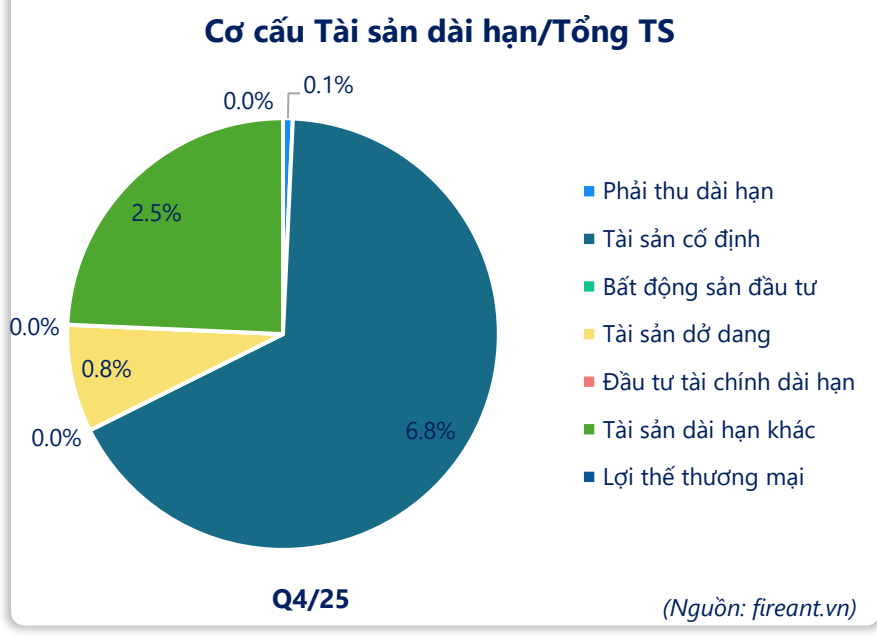
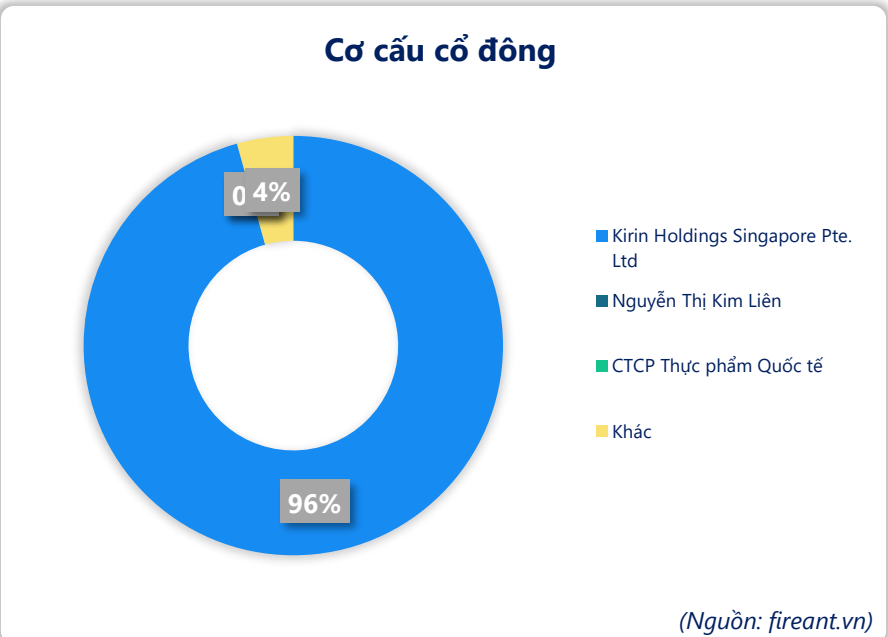
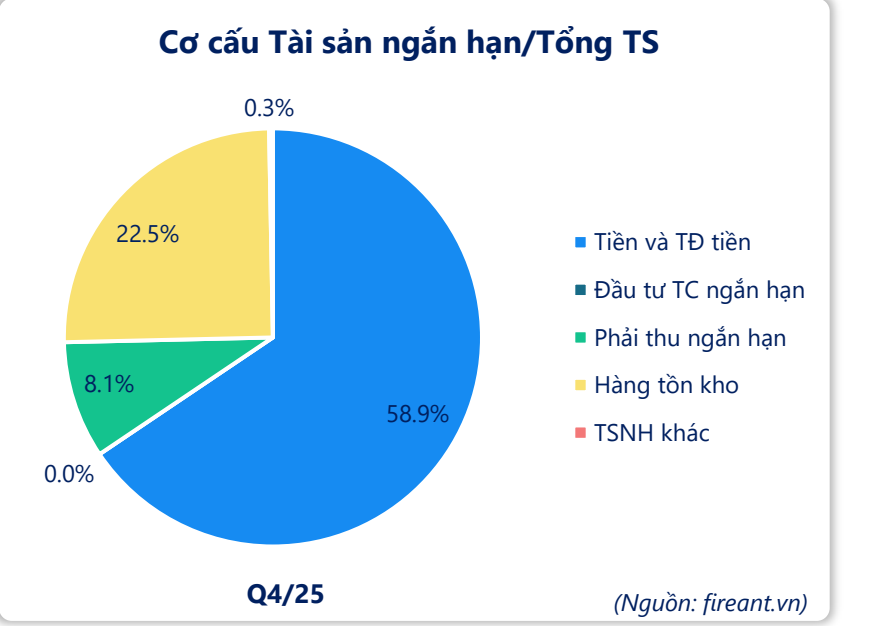
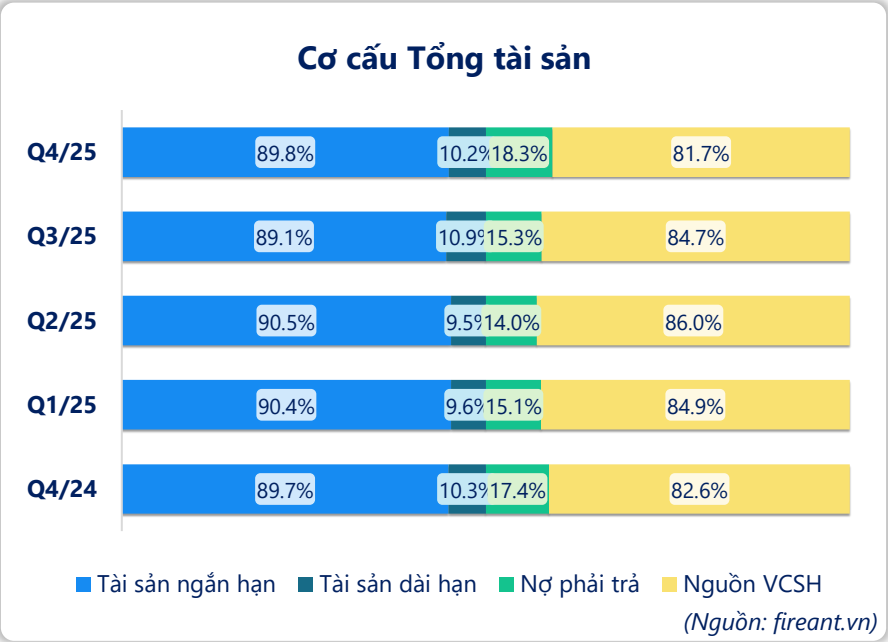
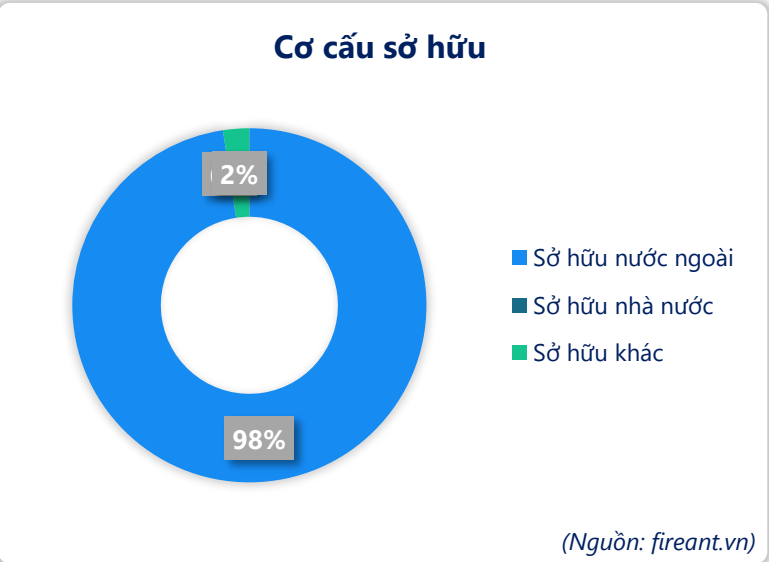
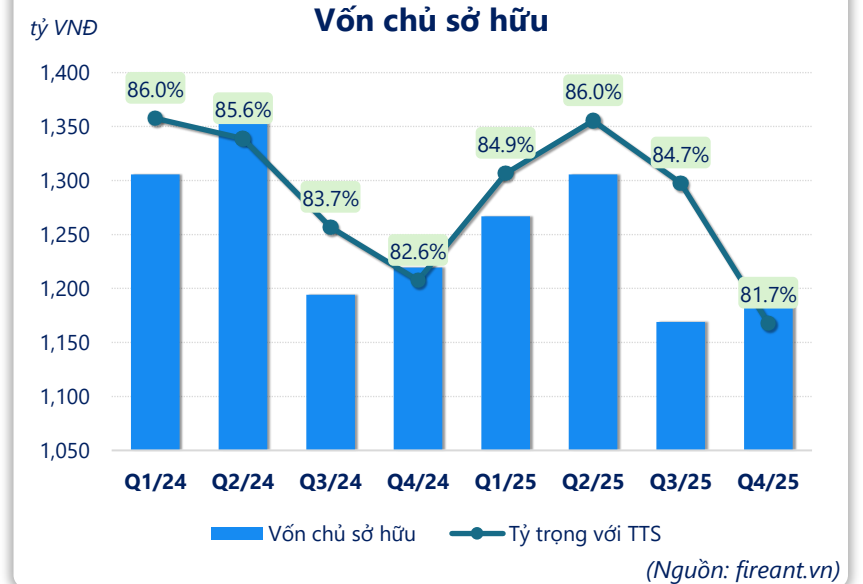
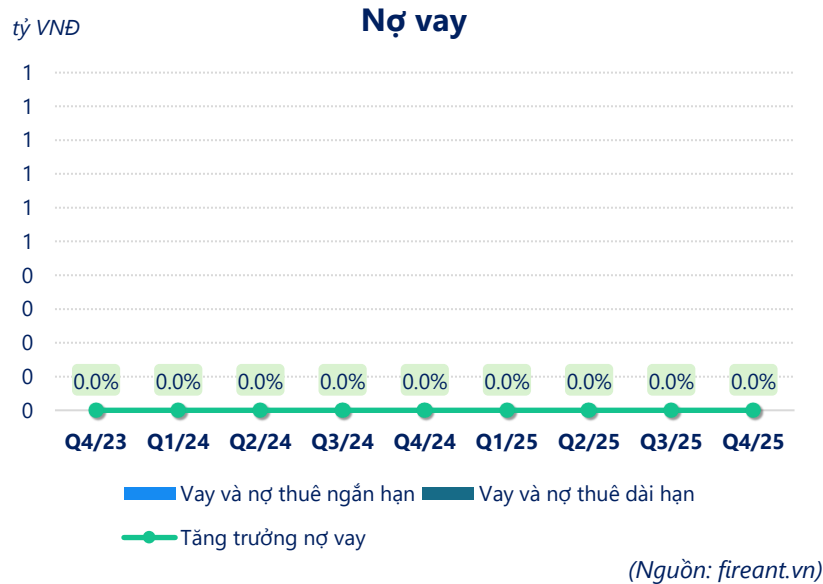
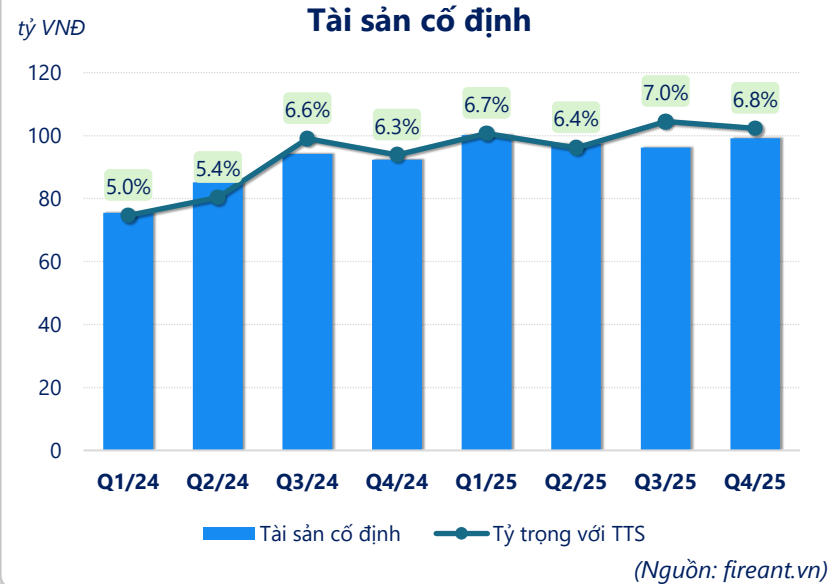
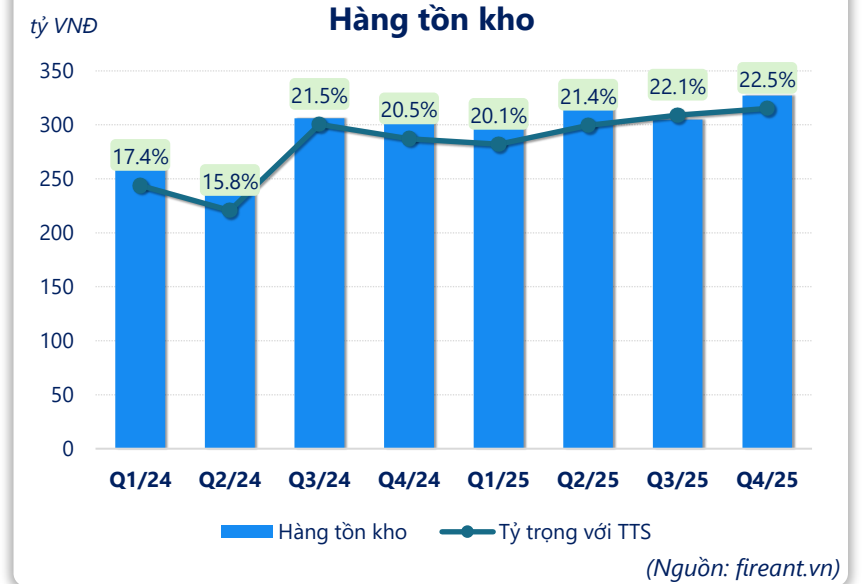
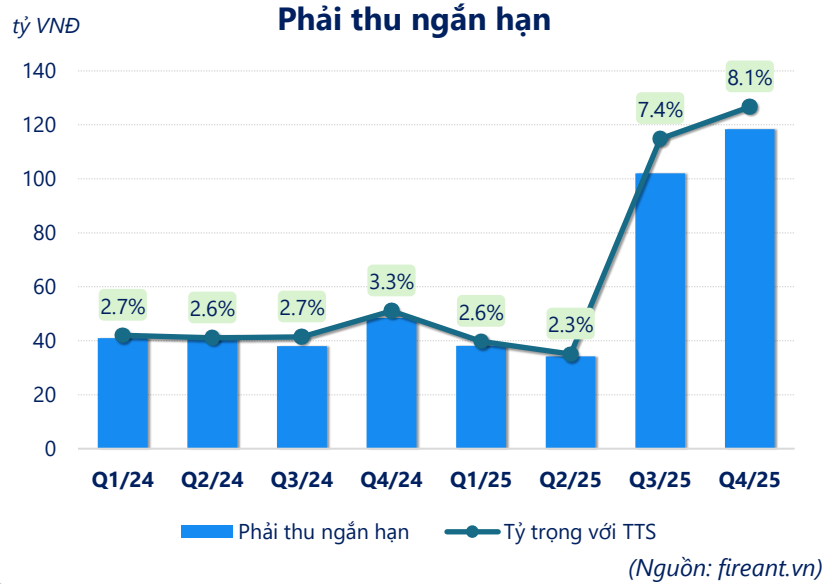
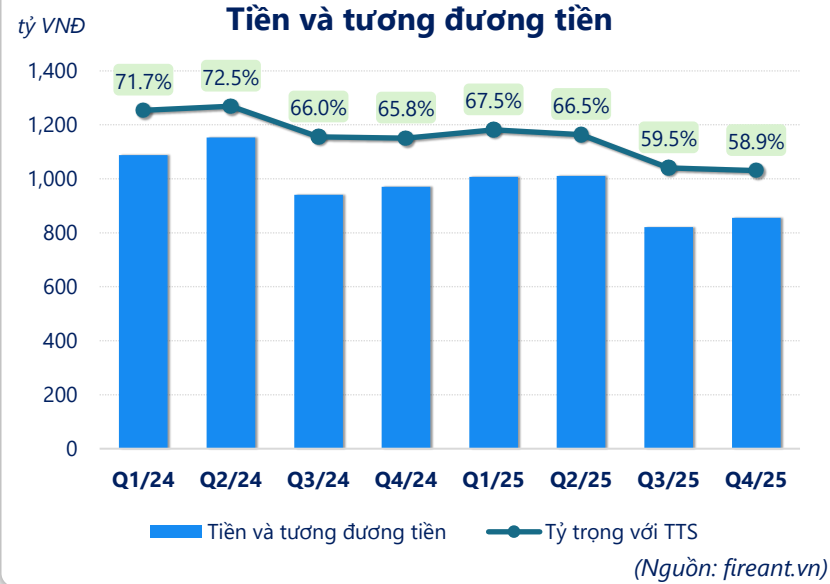
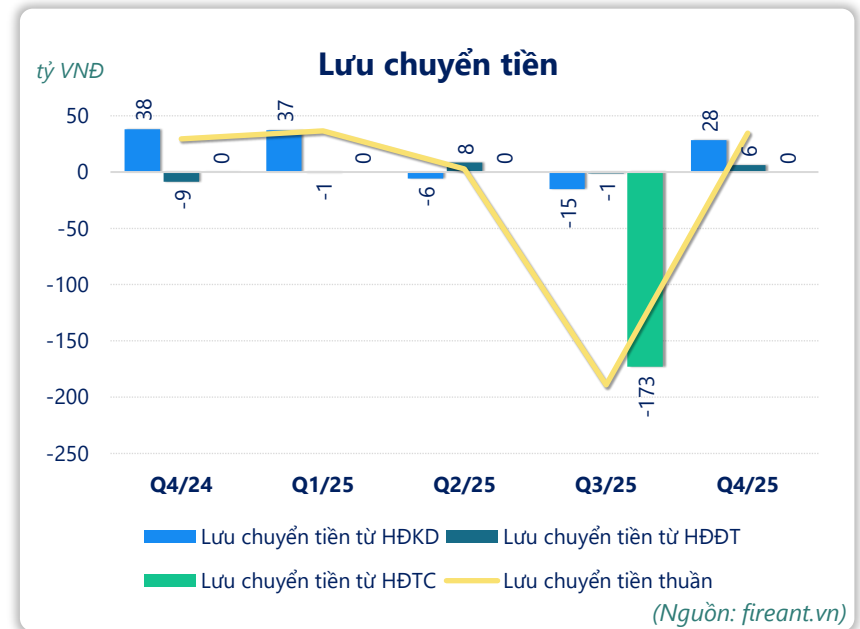
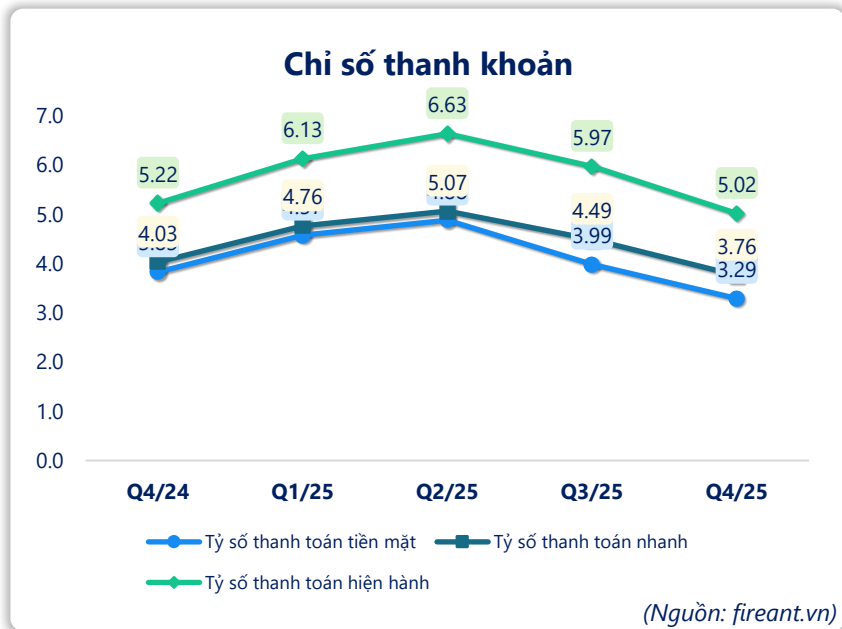
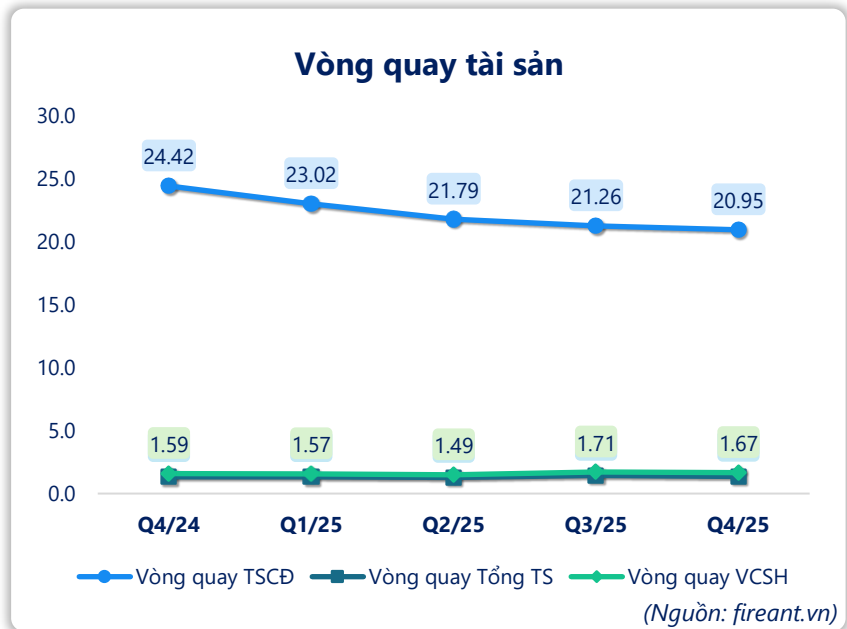
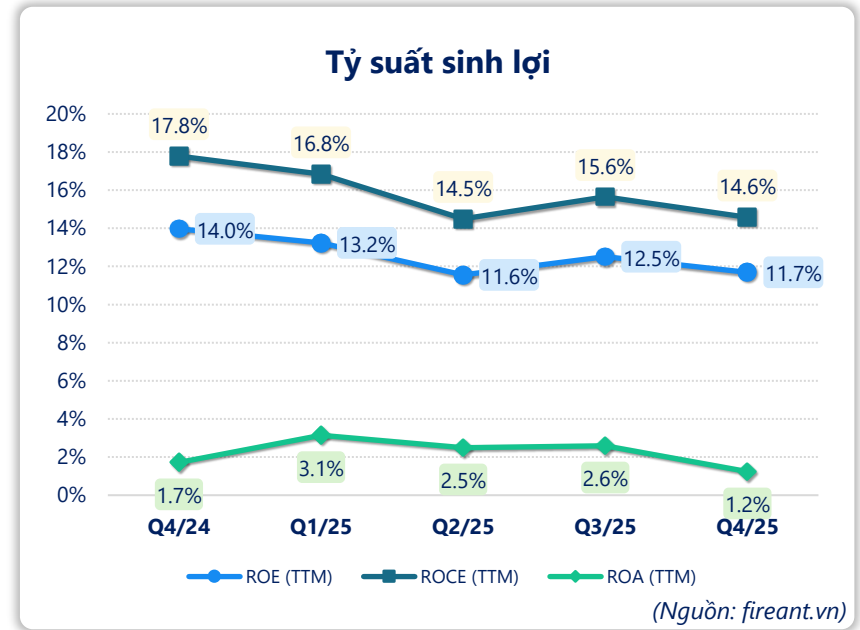
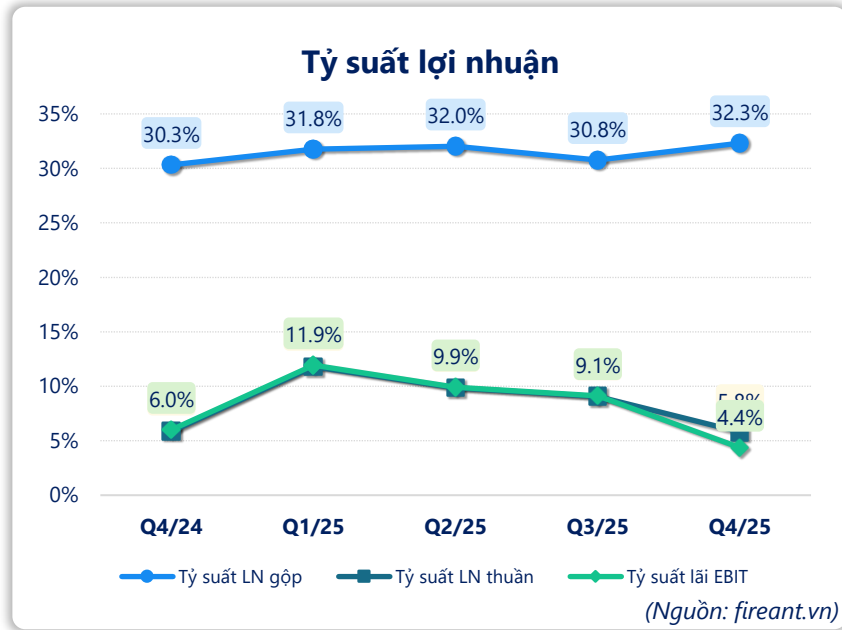
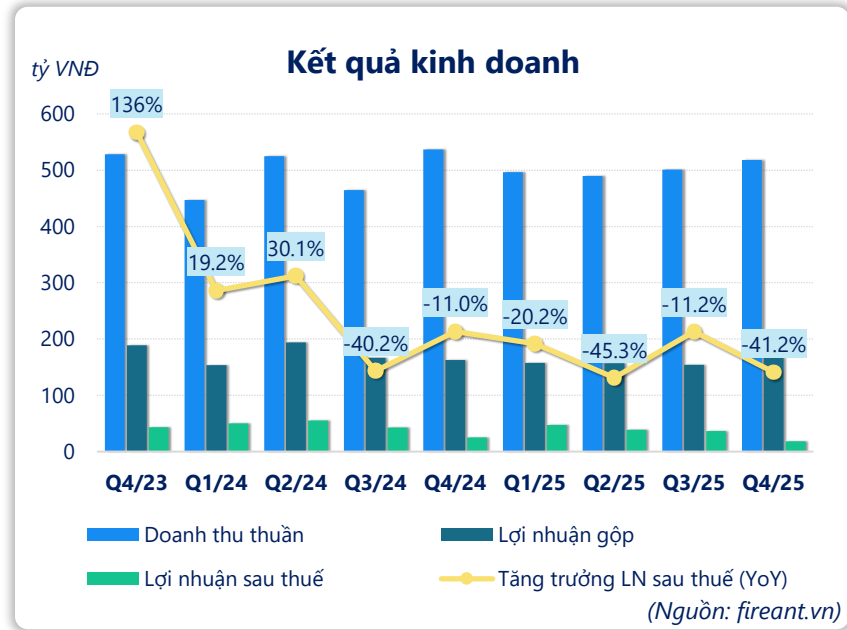


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		20,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,866
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,000
SL cổ phiếu LH		87,140,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)		960
% sở hữu nước ngoài		97.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,804
P/E		12.8
EPS		1,615

	YTD	1T	3T	6T
IFS	-11.9%	-2.4%	-2.4%	-11.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,453	1,476	-1.6%
Tài sản ngắn hạn	1,305	1,325	-1.5%
Tiền và tương đương tiền	856	971	-11.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	118	48.4	144%
Hàng tồn kho	327	303	8.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.86	2.53	52.5%
Tài sản dài hạn	148	152	-2.4%
Phải thu dài hạn	1.08	0.93	16.5%
Tài sản cố định	99.1	92.4	7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.9	16.1	-25.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	36.0	42.4	-15.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	266	257	3.6%
Nợ ngắn hạn	260	254	2.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	154	148	3.9%
Nợ dài hạn	5.85	3.39	72.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,187	1,219	-2.6%
Vốn chủ sở hữu	1,187	1,219	-2.6%
Vốn điều lệ	871	871	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	537	496	490	501	518
Giá vốn hàng bán	374	339	333	347	351
Lợi nhuận gộp	163	158	157	154	167
Doanh thu HĐTC	6.50	7.27	7.51	7.41	8.18
Chi phí TC	0.12	0.14	0.15	0.08	0.11
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	125	92.5	103	102	134
Chi phí QLDN	12.5	13.6	13.0	14.0	11.3
LN thuần từ HĐKD	31.4	58.5	48.2	45.4	30.1
Lợi nhuận khác	0.86	0.72	0.28	0.17	-7.46
LN trước thuế	32.2	59.2	48.5	45.6	22.6
Lợi nhuận sau thuế	25.2	47.3	38.8	36.5	18.1
LNST của CĐ cty mẹ	25.2	47.3	38.8	36.5	18.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	38.1	37.3	-5.66	-15.1	28.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.54	-0.68	8.33	-1.12	6.17
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.03	0	0	-173	0
Tiền đầu kỳ	941	971	1,008	1,010	821
Lưu chuyển tiền thuần	29.6	36.6	2.67	-189	34.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.12	0	0	0	0.11
Tiền cuối kỳ	971	1,008	1,010	821	856

(Nguồn: fireant.vn)